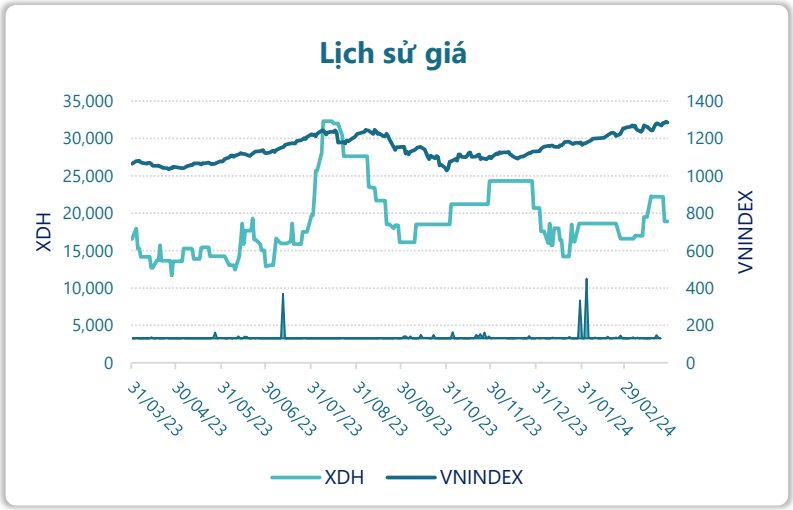
FireAnt

CTCP Đầu tư Xây dựng Dân dụng Hà Nội (UPCOM: XDH)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**18,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	32,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,672
SL cổ phiếu LH	27,026,907
KLGD BQ 20 phiên (CP)	40
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	511
P/E	20.7
EPS	914

DT thuần

Q1/24

44.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼102| -69.5%

YoY: ▲ 27.3| 159%

LN sau thuế

Q1/24

3.23

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.67| -63.7%

YoY: ▼3.01| -48.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

16.4%

+/- YoY: ▼ 8.3%

DT thuần

2023

172

tỷ VNĐ

YoY: ▼206| -54.7%

LN sau thuế

2023

21.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼52.0| -70.8%

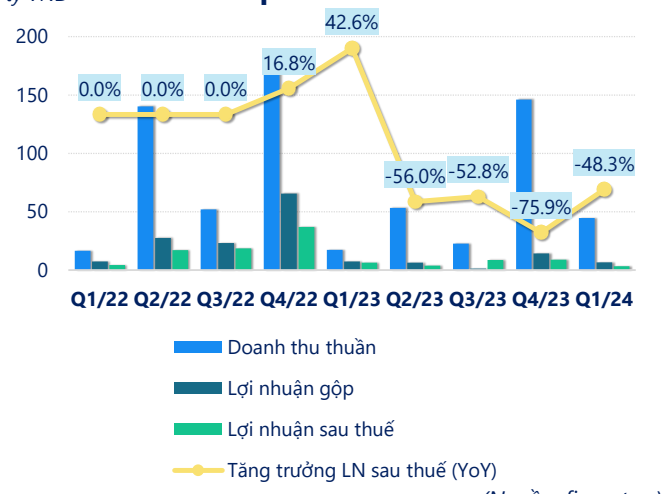
ROE

2023

3.8%

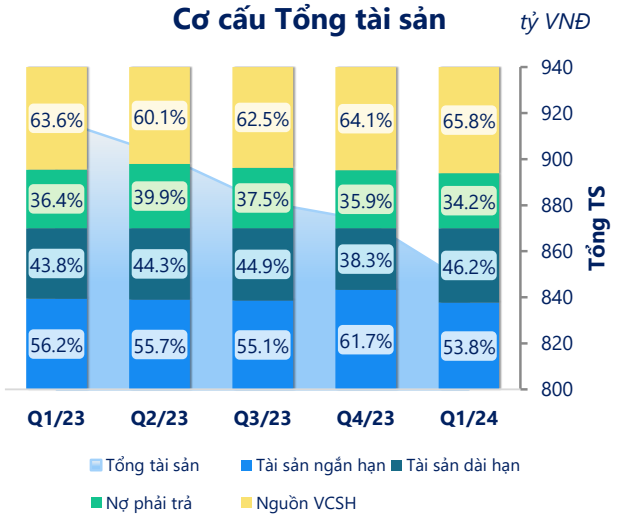
+/- YoY: ▼ 9.5%

Kết quả kinh doanh



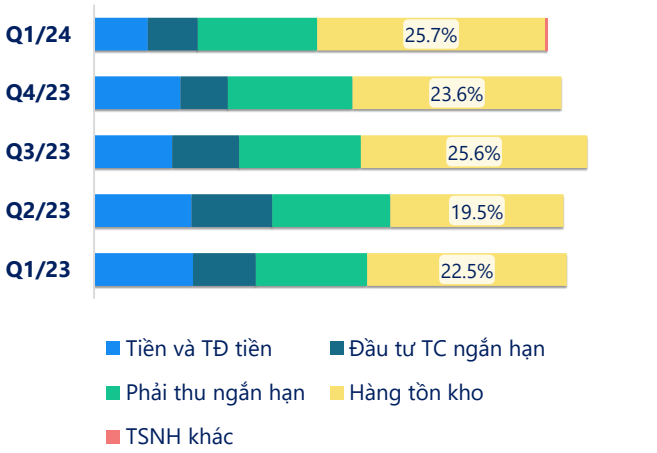
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



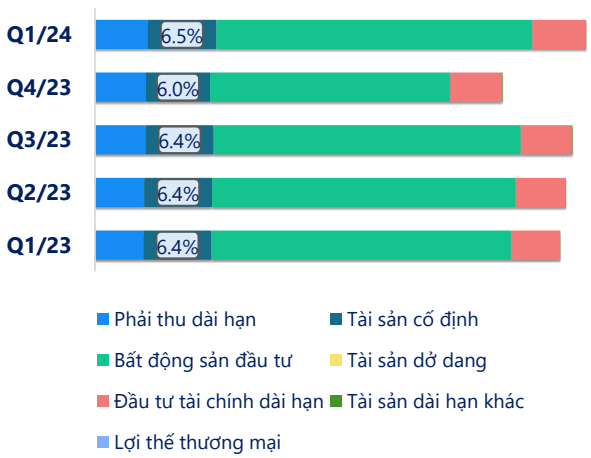
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



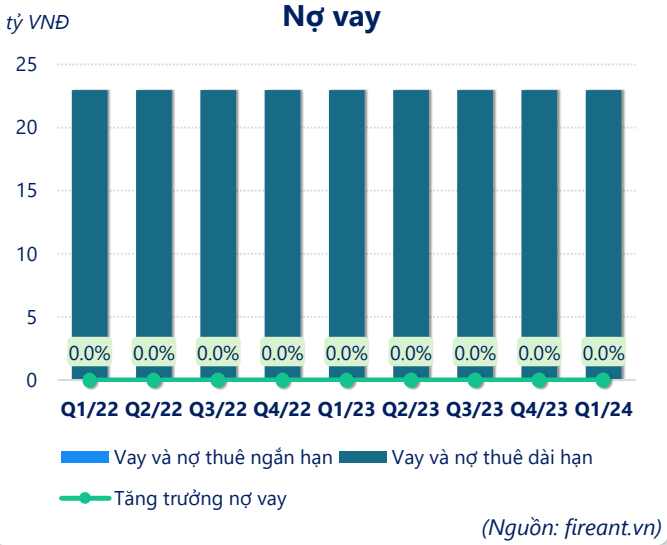
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



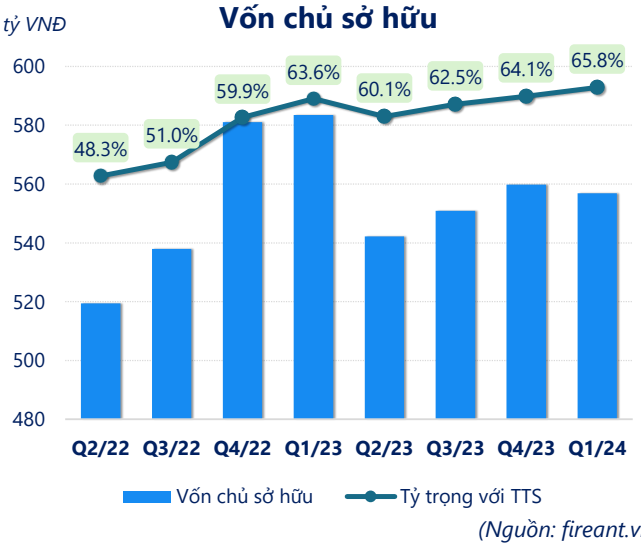
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



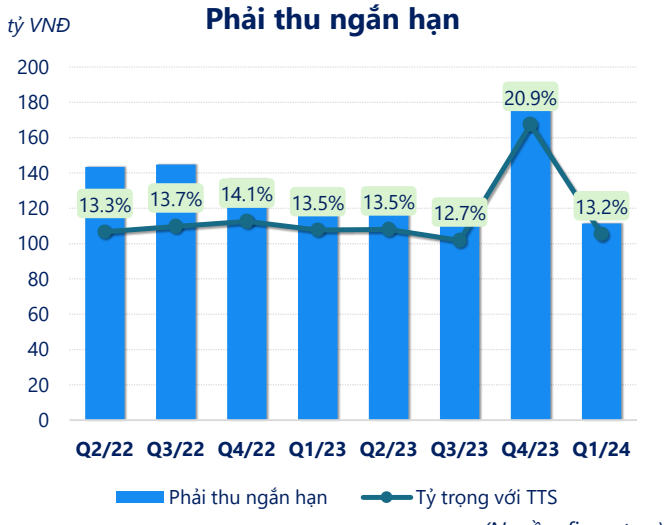
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



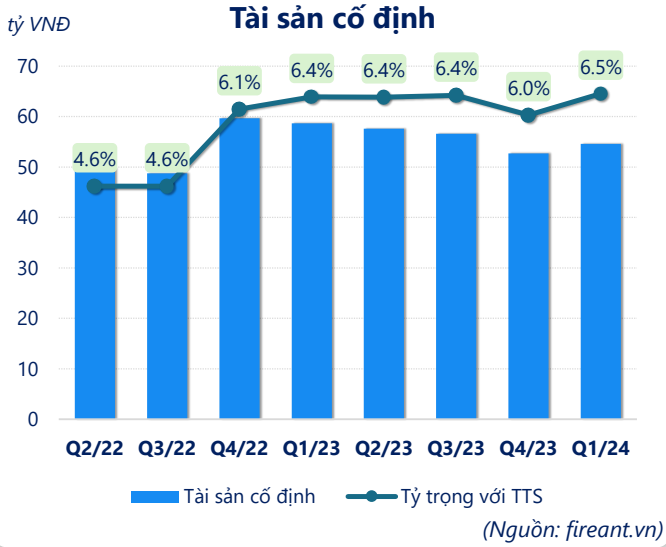
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



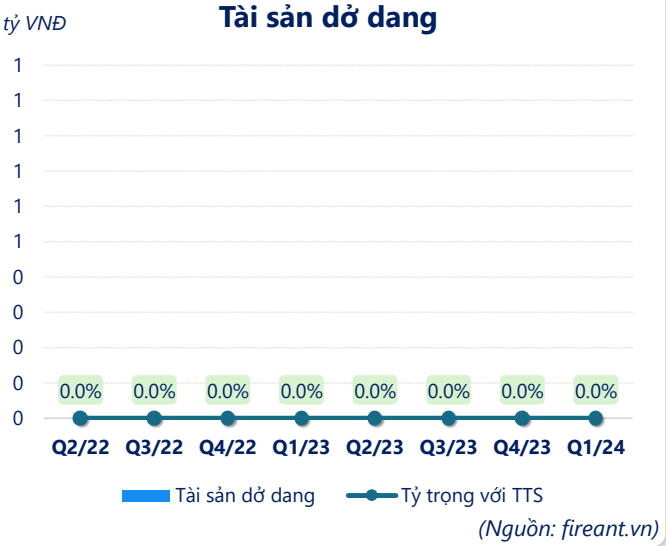
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



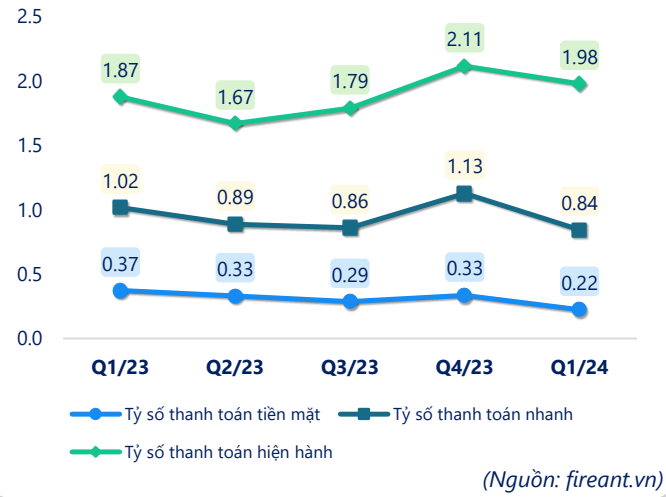
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



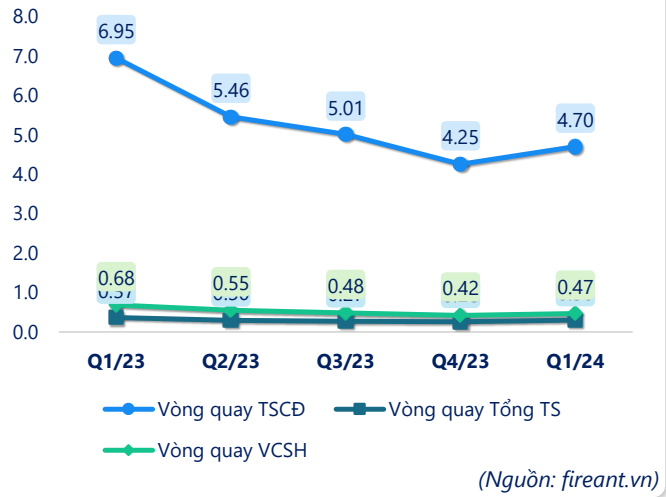
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**917**	**902**	**881**	**873**	**846**
Tài sản ngắn hạn	**516**	**503**	**486**	**539**	**455**
Tiền và tương đương tiền	103	99.3	77.6	85.3	51.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	51.7	42.1	42.1	19.0	19.0
Phải thu ngắn hạn	123	122	112	183	111
Hàng tồn kho	236	236	253	252	261
Tài sản ngắn hạn khác	2.17	3.55	1.39	0	12.4
Tài sản dài hạn	**401**	**400**	**396**	**335**	**391**
Phải thu dài hạn	41.8	41.8	41.8	41.8	41.8
Tài sản cố định	58.6	57.6	56.6	52.7	54.6
Bất động sản đầu tư	258	257	254	197	251
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	42.4	42.4	42.4	42.6	42.6
Tài sản dài hạn khác	0.37	0.37	0.37	0.37	0.37
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**334**	**360**	**331**	**314**	**289**
Nợ ngắn hạn	**275**	**301**	**272**	**255**	**230**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	38.6	43.7	43.8	52.0	45.0
Nợ dài hạn	58.7	59.0	58.9	58.8	58.9
Vay và nợ thuê dài hạn	23.0	23.0	23.0	23.0	23.0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**583**	**542**	**551**	**560**	**557**
Vốn chủ sở hữu	**583**	**542**	**551**	**560**	**557**
Vốn điều lệ	246	246	270	270	270
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)